

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2020/HC-PT**

Ngày: 15 - 9 - 2020

V/v “**khấu kiện quyết định  
hành chính**”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Mai Xuân Thành

*Các thẩm phán:* Ông: Trần Quốc Cường

Ông: Nguyễn Tấn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thanh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn X Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “V/v khiếu kiện quyết định hành chính”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Ngô Văn D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X:* Ông Ngô Văn D; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2019); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn N - Luật sư, Văn phòng Luật sư T Sự; địa chỉ: Quảng Trị; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn G – Phó Chủ tịch UBND huyện H (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019); có đơn xin xét xử vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Dương Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (có văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019 cho ông Nguyễn Hữu T tham gia tố tụng. Ông Nguyễn Hữu T vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (có văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019 cho ông Nguyễn Hữu T tham gia tố tụng. Ông Nguyễn Hữu T vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Dương Thị B, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt

- Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937 (vợ ông Ngô Đ); địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019 cho chị Ngô Thị Kim H tham gia tố tụng).

+ Chị Ngô Thị Kim N; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (có văn bản ủy quyền cho chị Ngô Thị Kim H tham gia tố tụng).

+ Anh Ngô Hùng H, sinh năm 1966; địa chỉ: tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019 cho chị Ngô Thị Kim H tham gia tố tụng).

+ Chị Ngô Thị Kim H; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Chị Ngô Thị Kim P; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (có văn bản ủy quyền cho chị Ngô Thị Kim H tham gia tố tụng).

+Anh Ngô Hồng V, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019 cho chị Ngô Thị Kim H tham gia tố tụng).

Đối với ông Ngô Đ (đã chết năm 2016); nên Tòa án đã đưa vợ và các con của ông Ngô Đ gồm: Bà Nguyễn Thị C, chị Ngô Thị Kim N, anh Ngô Hùng H, chị Ngô Thị Kim H, chị Ngô Thị Kim P, anh Ngô Hồng V vào tham gia tố tụng. Trong đó, gia đình ông Ngô Đ đã ủy quyền cho chị Ngô Thị Kim H là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị X khởi kiện với nội dung như sau:*

Năm 1995, gia đình ông Ngô Văn D tiến hành khai hoang, phục hóa một số diện tích để trồng cây tràm và một số cây khác cho đến nay. Quá trình khai hoang, phục hóa ông D đã làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã H xin vùng đất gò đồi khai hoang phủ xanh đất trống đồi trọc và đã được Ủy ban nhân dân xã H đồng ý. Sau khi làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, ngày 31/7/2007, gia đình ông D được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 34.883m<sup>2</sup>, vào sổ số H 4696, thuộc các thửa 32, 37, 38/2, 39, 40/1, 45/2, 45/3, 47, 50, 146 tờ bản đồ số 16. Ngoài ra, còn các thửa chưa được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng gia đình ông D trình bày đã sử dụng trồng cây tràm từ năm 1995 cho đến nay tại các thửa:

1. Thửa 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup> (đất này đã được cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X);
2. Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup> (đất này đã được cấp cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C);
3. Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup> (đất này đã được cấp cho hộ bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T).

Quá trình sử dụng đất từ năm 1995 cho đến năm 2017, ông D không phát sinh tranh chấp với ai. Đến tháng 6/2018, khi UBND xã H có kế hoạch thu hồi một phần diện tích đất mà gia đình ông D đang sử dụng. Tại phiên họp ngày 25/6/2018 của UBND xã H, gia đình ông D mới phát hiện ra một phần diện tích đất mà gia đình ông D đang sử dụng đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ cho người khác.

Vì vậy, Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

1. Giấy CNQSDĐ số AL 209073 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup>;
2. Giấy CNQSDĐ số AL 209066 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup>;

3. Giấy CNQSDĐ số AL 150739 do UBND huyện H cấp ngày 28/11/2007 cho hộ bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup>.

*Theo văn bản số 395/UBND-TH ngày 17/5/2019 của UBND huyện H, Người bị kiện trình bày:*

Ngày 10/7/2018, ông Ngô Văn D có đơn kiến nghị gửi UBND huyện H về việc phản ánh việc UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ ông Nguyễn Hữu T, hộ ông Ngô Đ, hộ bà Dương Thị B ở thôn M, xã H chồng lấn lên diện tích mà gia đình ông đang sử dụng. Quá trình xác minh, đã xác định được hộ ông Ngô Văn D sử dụng các thửa đất trồng rừng sản xuất có tăng diện tích thêm 7.981m<sup>2</sup> vì ông D đã chỉ, dẫn đặc, mở rộng sử dụng đất vượt diện tích ra ngoài ranh giới các thửa đất là không đúng theo sơ đồ cấp Giấy CNQSDĐ đã được cấp năm 2007 cho các hộ.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho các hộ ông Nguyễn Hữu T, hộ ông Ngô Đ, hộ bà Dương Thị B ở thôn M, xã H là đúng quy định của pháp luật, nên UBND huyện H đề nghị UBND xã H phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H cùng các hộ liên quan để cắm mốc, xác định lại ranh giới theo sơ đồ Giấy CNQSDĐ đã cấp.

Do đó, Người bị kiện, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Hộ bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Thanh M:

Thửa đất mà chúng tôi được UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số AL 150739 do UBND huyện H cấp ngày 28/11/2007 cho bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup> là do bố mẹ tôi khai hoang. Sau đó bố mẹ tôi trồng hoa màu liên tục từ năm 1977 cho đến năm 1993. Sau năm 1993, do trâu, bò trên địa bàn phát triển mạnh, phá hoại nên không trồng được hoa màu. Vì vậy, ông D lợi dụng việc đó đã trồng cây lên đất của chúng tôi mà không được sự đồng ý của chúng tôi.

Nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*- Hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X, anh Nguyễn Hữu H, anh Nguyễn Hữu H1 có ý kiến:*

Ngày 09/5/2007, UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số AL 209073 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup>; Thửa đất này ông T khai hoang từ năm 1977 để trồng sắn, đến năm 1979 chuyển qua trồng cây bạch đàn. Từ năm 1985 chuyển qua trồng trà. Từ đó cho đến

nay, gia đình chúng tôi trồng liên tục và đã khai thác 04 lần và vẫn sử dụng để trồng trà cho đến nay. Hiện nay, trên đất là cây trà đang trồng khoảng 4 năm tuổi.

Quá trình UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình tôi là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*- Hộ bà Nguyễn Thị C, chị Ngô Thị Kim N, chị Ngô Thị Kim H, chị Ngô Thị Kim P, anh Ngô Hồng H, anh Ngô Hồng V, có ý kiến:*

Ngày 09/5/2007, UBND huyện H cấp Giấy CNQSDĐ số AL 209066 cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup>, thửa đất này gia đình chúng tôi khai hoang từ năm 1977 để trồng sắn, đến thời điểm năm 2000, gia đình chúng tôi chuyển sang trồng cây trà. Từ thời điểm năm 2000 cho đến nay chúng tôi đã khai thác 03 lần và vẫn tiếp tục trồng trà cho đến nay.

Quá trình cấp Giấy CNQSDĐ cho gia đình tôi là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, chúng tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

*Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số 11/2019/HCST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định.*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 139; khoản 1 Điều 140 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị X đối với yêu cầu hủy:

- Giấy CNQSDĐ số AL 209073 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup>;

- Giấy CNQSDĐ số AL 209066 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup>;

- Giấy CNQSDĐ số AL 150739 do UBND huyện H cấp ngày 28/11/2007 cho bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup>.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 ông Ngô Văn D kháng cáo bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Ngô Văn D, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, và vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ngô Văn D .

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ngô Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Xét kháng cáo của ông Ngô Văn D; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định gồm:

1. Giấy CNQSDĐ số AL 209073 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup>;

2. Giấy CNQSDĐ số AL 209066 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup>;

3. Giấy CNQSDĐ số AL 150739 do UBND huyện H cấp ngày 28/11/2007 cho hộ bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup>.

Xét thấy: Ngày 24/10/1995, ông D làm đơn xin đất làm nhà ở và ngày 04/01/1996 ông D làm đơn xin đất trồng cây vùng gò đồi phủ xanh đất trồng, đồi núi trọc theo dự án của Thủ tướng Chính phủ và được UBND xã H xác nhận đồng ý. Ngày 14/6/2007, ông D làm đơn xin cấp Giấy CNQSD đất với tổng diện tích là 38.094m<sup>2</sup>. Đến ngày 31/7/2007, một phần diện tích đất mà ông D đã khai hoang, phục hóa đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất với diện tích 34.883m<sup>2</sup>; phần diện tích đất còn lại chưa được cấp Giấy CNQSD đất nhưng vẫn được gia đình ông D canh tác và sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến hiện nay thông qua việc trồng cây tràm trên đất, việc sử dụng đất này của gia đình ông D cũng được các gia đình đang tranh chấp thừa nhận, bao gồm thửa đất số 55/1, tờ bản đồ số 16, diện tích: 2.977m<sup>2</sup>; thửa đất số 273/1, tờ bản đồ số 17, diện tích: 1.230m<sup>2</sup>; thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích: 990m<sup>2</sup> (Biên bản hòa giải ngày 04/1/2019 BL số 22). Tại bản báo cáo số 04/BC –UBND ngày 10/1/2019 của Ủy ban nhân dân xã H ( BL87), về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Ngô Văn D đã có nội dung thể hiện. “*Trường hợp ông Nguyễn Hữu T tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSD đất số AL 209073 (ông Ngô Văn D đã canh tác qua 2.483m<sup>2</sup>); Trường hợp ông Ngô Văn Đ tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSD đất số AL 209066 (ông Ngô Văn D đã canh tác qua 1.037m<sup>2</sup>); Trường hợp bà Dương Thị B tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup> đã được cấp*

*GCNQSD đất số AL 150739 (ông Ngô Văn D đã canh tác hết toàn bộ diện tích đất này)”*

[2] Năm 2007, một số cán bộ tại UBND xã H đã lợi dụng việc sử dụng đất của gia đình ông D, làm thủ tục vay vốn ngân hàng, sự việc này sau đó đã được UBND huyện H giải quyết và có thông báo số 29/TB-UBND ngày 20/4/2007 kết luận của chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Văn D (BL 13). Tại mục 2.2 thông báo số 29 thể hiện kết luận của UBND huyện H như sau: Đối với diện tích 400m<sup>2</sup> ông D xin giao đất vào năm 1995 và 19.600m<sup>2</sup> ông D xin giao vào năm 1996 giao UBND xã H hướng dẫn ông D làm thủ tục giao đất và cấp Giấy CNQSD đất đối với đất ở. Đối với số diện tích còn lại mà ông D đang canh tác (liền kề với diện tích nêu trên) khẳng định rằng UBND xã chưa ký đề nghị giao đất cho ông D. Tuy nhiên, do ông D có công phục hóa và sử dụng đất từ năm 2001, vì vậy UBND xã H hướng dẫn ông D lập thủ tục để được giao đất tạm thời đến hết năm 2012. Từ sau ngày 31/12/2012 trở đi, nếu UBND xã H không có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đối với diện tích nêu trên và hộ ông D có nhu cầu thì giải quyết cho hộ ông D tiếp tục được giao đất tạm thời thêm 01 chu kỳ sản xuất cây lâm nghiệp. Thực hiện theo kết luận tại thông báo số 2929/TB-UBND ngày 20/4/2007 nêu trên, ngày 15 tháng 6 năm 2007, Ủy ban nhân dân xã H đã có biên bản giao đất cho ông Ngô Văn D với tổng diện tích ông D đang sử dụng là 38.094m<sup>2</sup>(BL 69).

[3] Từ những viện dẫn nêu trên, Căn cứ quy định tại Điều 49 và điều 50 luật đất đai năm 2003 quy định về những trường hợp được cấp Giấy CNQSD đất và cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất và được hướng dẫn tại Nghị định 84 ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp Giấy CNQSD đất. Như vậy, theo quy định này thì căn cứ để cấp Giấy CNQSD đất được phân thành 02 trường hợp bao gồm trường hợp được cấp theo quyết định của nhà nước hoặc có giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trường hợp thực tế đang sử dụng đất. Thấy rằng hộ gia đình ông D được giao đất, trên thực tế có sử dụng đất tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện H lại cấp GCNQSD đất trong đó có một phần diện tích đất ông D được giao và đang sử dụng cho các hộ ông Nguyễn Hữu T, Ngô Văn Đ, và cấp cho bà Dương Thị B toàn bộ diện tích đất ông D được giao và đang trồng cây là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông D.

[4] Về trình tự lập hồ sơ để cấp GCNQSD đất cho cho các hộ ông Nguyễn Hữu T, Ngô Văn Đ, và bà Dương Thị B:

Căn cứ vào hồ sơ giao đất, cấp Giấy CNQSD đất của các hộ gia đình có thể thấy trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất chưa đúng với quy định của luật đất đai năm 2003, cụ thể: Không thực hiện việc lấy phiếu ý kiến khu dân cư đối với các thửa đất, không có hồ sơ thể hiện nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, không có xác nhận

ranh giới của các hộ gia đình liền kề và không thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới sử dụng đất tại thực địa dẫn đến việc cấp Giấy CNQSD đất không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất của các hộ gia đình là trái với quy định tại điều 17, Luật đất đai năm 2003 về hồ sơ địa giới hành chính.

Như vậy, có đủ căn cứ đề khẳng định tại thời điểm UBND huyện H thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình bà Dương Thị B, hộ gia đình ông Ngô Đ và hộ ông Nguyễn Hữu T là trái với quy định của pháp luật do không đúng về đối tượng sử dụng đất, không thực hiện đúng các trình tự, thủ tục giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đúng với nguồn gốc sử dụng đất; đây là nguyên nhân phát sinh tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình. Vì vậy, Căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 106, Luật đất đai năm 2013 về thu hồi giấy chứng nhận đã cấp các Giấy CQSD đất do UBND huyện H cấp cho các hộ gia đình bà Dương Thị B, hộ gia đình ông Ngô Đ và hộ ông Nguyễn Hữu T thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy CNQSD đất để điều chỉnh cho đúng với diện tích thực tế các hộ đang sử dụng.

Từ những vi phạm nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của ông D là có cơ sở chấp nhận, do vậy cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí: Ông Ngô Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Ủy ban nhân dân huyện H tỉnh Quảng Trị phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ngô Văn D.

Sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2019/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Căn cứ Điều 49 và điều 50 luật đất đai năm 2003 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 139; khoản 1 Điều 140 Luật tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị X:
2. Hủy các quyết định hành chính sau :

- Giấy CNQSDĐ số AL 209073 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Dương Thị X đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.994m<sup>2</sup>;

- Giấy CNQSDĐ số AL 209066 do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2007 cho hộ ông Ngô Đ, bà Nguyễn Thị C đối với thửa số 273, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.824m<sup>2</sup>;



- Giấy CNQSDĐ số AL 150739 do UBND huyện H cấp ngày 28/11/2007 cho bà Dương Thị B, ông Nguyễn Thanh T, đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 16, diện tích 990m<sup>2</sup>.

**Án phí:** Ông Ngô Văn D không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, trả lại cho ông D số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000658 ngày 21/11/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**